TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2018
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Sỹ Hiền
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa*: Bà Phan Thị Huyền Bích, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Thôn 02, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Lê Hồng Q, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Thôn 02, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Trần Thị Thu T trình bày: Tôi (Trần Thị Thu T) và anh Lê Hồng Q tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 14/9/2012. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chúng tôi không hợp nhau nên hay kình cải nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Trước đây, tôi đã làm đơn xin ly hôn và Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý, sau đó, được gia đình khuyên nhủ và tôi đã rút đơn về đoàn tụ với anh Q nhưng cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc nên tôi tiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Q để tôi ổn định cuộc sống, nuôi con.

Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là cháu Lê Gia H, sinh ngày 20/3/2013. Chị T yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hồng Q có lời khai trong hồ sơ như sau: Anh Q và chị Trần Thị Thu T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 14/9/2012 như chị T trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn và hay cãi nhau và chị T đã nộp đơn xin ly hôn. Nhưng anh Q cho rằng việc mâu thuẫn vợ chồng không lớn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Q và chị T có 01 con chung là cháu Lê Gia H, sinh ngày 20/3/2013 như chị T trình bày. Anh Q đồng ý để chị T nuôi cháu H.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn với anh Lê Hồng Q và giao con chung là cháu Lê Gia H, sinh ngày 20/3/2013 cho chị Trần Thị Thu T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị T không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Buộc chị T phải chịu số tiền 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu T yêu cầu ly hôn với anh Lê Hồng Q, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 2, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn. Tại phiên tòa mặc dù bị đơn anh Lê Hồng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Vì thế theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu T và anh Lê Hồng Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị T và anh Q là hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị T và anh Q có phát sinh mâu thuẫn nên chị T đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Q. Trong lời khai anh Q khai rằng không muốn ly hôn nhưng anh Q không có ý kiến gì về việc được đoàn tụ mà bỏ mặc. Hơn nữa, giữa chị T và anh

Q đã mâu thuẫn và chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó chị T rút đơn về đoàn tụ lại với anh Q nhưng cuộc sống vợ chồng giữa chị T, anh Q cũng không cải thiện, vẫn xảy ra mâu thuẫn và chị T đã tiếp tục nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Q. Trong các phiên tòa anh Q điều vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị T nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thu T là có cơ sở.

[4] Về con chung: Chị T, anh Q có 01 con chung là cháu Lê Gia H, sinh ngày 20/3/2013. Hiện nay đang sống với chị T nên giao cho chị T được tiếp tục nuôi cháu H là tốt hơn. Trong bản khai vào ngày 09/02/2018 và trong các lần hòa giải anh Q đều đồng ý để con cho chị T nuôi. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Lê Gia H, sinh ngày 20/3/2013 chị T nuôi là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị T trình bày chị có việc làm, có thu nhập nên không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Vì thế, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu T;

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thu T được ly hôn với anh Lê Hồng Q.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu T nuôi 01 con chung là cháu Lê Gia H, sinh ngày 20/3/2013 cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành

niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Buộc chị Trần Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006990 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lê Hồng Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (29/8/2018), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã H, huyện K
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Trung Toàn